

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ *Tổng thống Nga yêu cầu cấm xuất khẩu hoàn toàn đối với các lô hàng gỗ tròn và gỗ cứng có giá trị cao, chưa qua chế biến hoặc đã chế biến từ ngày 01/01/2022.*
- ▶ *Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu của Ca-na-đa.*
- ▶ *Ước tính, tháng 10/2020 xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2019.*

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Nga: Theo Công ty tư vấn ngành lâm nghiệp Wood Resources International LLC (WRI), Tổng thống Nga đã yêu cầu chính phủ kiểm soát chặt chẽ việc xuất khẩu gỗ tròn và các sản phẩm lâm sản có giá trị thấp, đồng thời ngăn chặn việc buôn bán gỗ tròn bất hợp pháp. Theo đó, Tổng thống Nga yêu cầu ban hành lệnh cấm xuất khẩu hoàn toàn đối với các lô hàng gỗ tròn và gỗ cứng có giá trị cao, chưa qua chế biến hoặc đã chế biến từ ngày 01/01/2022. Theo tuyên bố này, các loại gỗ khúc có giá trị thấp hơn, ví dụ như gỗ bạch dương sẽ không nằm trong danh sách của lệnh cấm xuất khẩu này.

Để khuyến khích ngành công nghiệp chế biến gỗ trong nước, Tổng thống Nga muốn thực hiện một chương trình cho vay trợ cấp để đầu tư vào các cơ sở chế biến gỗ, chủ yếu ở Siberia và vùng Viễn Đông của Nga, để đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường gỗ đang phát triển ở châu Á.

Nếu lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn được ban hành và có hiệu lực, Nga sẽ không còn là thị trường xuất khẩu gỗ tròn lớn nhất trên thế giới. Trong nhiều thập kỷ, Nga xuất khẩu một khối lượng lớn gỗ nguyên liệu, chủ yếu cho các nhà sản xuất lâm sản ở châu Á và châu Âu. Sản lượng xuất khẩu gỗ tròn mềm đạt mức cao nhất là 37 triệu m³ vào năm 2006,

nhưng khi thuế xuất khẩu gỗ tròn được thực hiện vào năm 2008, các lô hàng xuất khẩu đã giảm và chỉ đạt 8,5 triệu m³ vào năm 2019.

Trong năm 2020, dự kiến xuất khẩu gỗ tròn của Nga chỉ đạt khoảng 6 triệu m³. Trong nửa đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ tròn của Nga tới Trung Quốc chiếm 75% và Phần Lan chiếm 10%.

Xuất khẩu gỗ tròn của Nga đã dao động từ 7 đến 8 triệu m³ trong 5 năm qua nhưng có khả năng sẽ giảm trong hai năm tới nếu các loại gỗ có giá trị cao hơn như gỗ sồi và gỗ tần bì bị cấm xuất khẩu.

Nga xuất khẩu gỗ mềm và gỗ cứng khoảng 10 đến 12 triệu m³ hàng năm tới thị trường Trung Quốc trong vòng 5 năm qua. Nếu lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn có hiệu lực sẽ ảnh hưởng tới nguồn cung ứng gỗ nguyên liệu và sản phẩm chế biến gỗ của Trung Quốc trong thời gian tới, trong bối cảnh triển vọng tiêu thụ lâm sản của nước này ngày càng có xu hướng tăng.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo ước tính, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 10/2020 đạt 1,15 tỷ USD, tăng 0,3% so với tháng 9/2020, tăng 11,1% so với tháng 10/2019. Trong đó xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 939 triệu USD, tăng 1,8% so với tháng 9/2020, tăng 25,6% so với tháng 10/2019. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 10/2020 trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 9,64 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 7,33 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu chiếm 67,6% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 9 tháng đầu

năm 2020. Trong cơ cấu mặt hàng, đồ nội thất phòng khách và phòng ăn, ghế khung gỗ, đồ nội thất nhà bếp đều đạt tốc độ tăng trưởng cao. Dẫn đầu là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 1,87 tỷ USD, tăng 23,3% so với cùng kỳ năm 2019; ghế khung gỗ đạt 1,7 tỷ USD, tăng 25,7%; đồ nội thất nhà bếp đạt 511,1 triệu USD, tăng 87,4%...

Ngoài ra, trong 9 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu một số mặt hàng khác tăng khá so với cùng kỳ năm 2019 như: Cửa gỗ đạt 27,6 triệu USD, tăng 11,8% và đồ gỗ mỹ nghệ đạt 18,8 triệu USD, tăng 14,3%...

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020

Mặt hàng	Tháng 9/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2019 (%)	9 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	1.146.762	32,9	8.489.606	12,6	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	853.244	46,8	5.742.732	18,1	67,6	64,5
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	291.267	65,5	1.872.905	23,3	22,1	20,1
Ghế khung gỗ	269.072	53,0	1.717.274	25,7	20,2	18,1
Đồ nội thất phòng ngủ	195.105	22,2	1.369.568	-2,8	16,1	18,7
Đồ nội thất nhà bếp	65.790	93,7	511.110	87,4	6,0	3,6
Đồ nội thất văn phòng	32.010	-10,0	271.875	-7,9	3,2	3,9
Dăm gỗ	114.198	-6,9	1.135.871	3,5	13,4	14,5
Gỗ, ván và ván sàn	111.905	18,6	937.933	-2,0	11,0	12,7
Cửa gỗ	4.510	70,9	27.625	11,8	0,3	0,3
Gỗ mỹ nghệ	1.648	19,1	18.773	14,3	0,2	0,2
Khung gương	413	-29,7	2.554	-78,0	0,0	0,2
Loại khác	60.844	1,3	624.118	9,0	7,4	7,6

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA CA-NA-ĐA VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan thống kê Ca-na-đa, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa trong tháng 8/2020 đạt 177,5 triệu USD, giảm 2,3% so với tháng 8/2019. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 8/2020, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa đạt 1,16 tỷ USD, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm 2019.

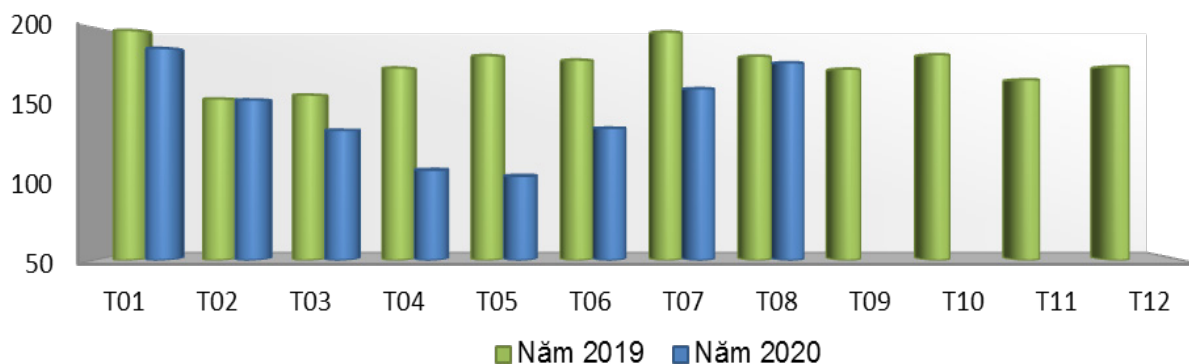
Ảnh hưởng từ dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng hóa của Canada chậm lại, trong đó trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ giảm. Tuy nhiên nhu cầu đồ gỗ, nội thất ở Ca-na-đa dự báo sẽ tiếp tục tăng và đặc biệt tăng mạnh trong năm 2021, sau một thời gian dài người dân giãn cách xã hội và làm việc tại nhà nhiều hơn. Trước đây, Ca-na-đa tự cung cấp trên 80% sản phẩm đồ gỗ nội



thất tiêu dùng trong nước, tuy nhiên trong những năm gần đây xu hướng nhập khẩu đồ gỗ đã tăng. Hiện tại, có tới 55% sản phẩm đồ gỗ nội thất tiêu thụ tại Ca-na-đa được nhập khẩu. Người tiêu dùng Ca-na-đa có xu hướng ưa chuộng đồ nội thất sản xuất từ gỗ cứng và có nguồn gốc thân thiện với môi trường.

Ca-na-đa nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ qua các tháng giai đoạn năm 2019 - 2020

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cơ quan Thống kê Ca-na-đa

Trong ba thị trường cung cấp chính mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trong 8 tháng đầu năm 2020 là Trung Quốc, Hoa Kỳ và Việt Nam, Ca-na-đa chỉ tăng nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam, đạt 183,8 triệu USD,

tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa từ Việt Nam chiếm 15,8% tổng trị giá nhập khẩu, tăng 3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Ca-na-đa trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 8/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2019 (%)	8 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 8 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	177.462	-2,3	1.160.447	-18,4	100,0	100,0
Trung Quốc	66.155	5,5	400.030	-20,9	34,5	35,5
Hoa Kỳ	30.536	-25,0	217.463	-30,6	18,7	22,0
Việt Nam	29.248	25,3	183.817	0,6	15,8	12,8
Ý	8.103	-40,4	64.777	-21,1	5,6	5,8
Ba Lan	7.948	-5,4	52.690	-20,7	4,5	4,7
Ma-lai-xi-a	6.005	-7,5	46.452	-7,7	4,0	3,5
Mê-hi-cô	2.920	-16,4	23.056	-15,0	2,0	1,9
In-đô-nê-xi-a	3.102	74,1	22.213	3,6	1,9	1,5
Đức	3.916	68,3	20.230	-17,3	1,7	1,7
Bra-xin	3.138	11,4	15.909	-20,7	1,4	1,4
Thị trường khác	16.391	3,0	113.810	-11,7	9,8	9,1

Nguồn: Cơ quan Thống kê Ca-na-đa

Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020, Ca-na-đa nhập khẩu mặt hàng ghế khung gỗ và đồ nội thất phòng khách và phòng ăn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Trong đó, nhập khẩu ghế khung gỗ đạt 428,9 triệu USD, giảm 22,1% so với cùng kỳ năm 2019. Ca-na-đa nhập khẩu ghế khung gỗ từ ba thị trường chính là Trung Quốc, Hoa Kỳ và Việt Nam, tuy nhiên Ca-na-đa chỉ tăng nhập khẩu ghế khung gỗ từ

Việt Nam, đạt 57,8 triệu USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 362,9 triệu USD, giảm 14,4% so với cùng kỳ năm 2019. Ca-na-đa nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ thị trường Trung Quốc và Việt Nam, trị giá nhập khẩu từ hai thị trường này chiếm tới 52% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn.

Ca-na-đa nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2020

Mã HS	Tên hàng	Tháng 8/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2019 (%)	8 tháng 2020 (Nghìn USD)	So với 8 tháng 2019 (%)	Tỷ trọng 8 tháng (%)	
						Năm 2020	Năm 2019
Tổng		177.462	-2,3	1.160.447	-18,4	100,0	100,0
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	65.875	-4,9	428.932	-22,1	37,0	38,7
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	55.655	5,8	362.893	-14,4	31,3	29,8
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	34.052	1,4	214.221	-17,7	18,5	18,3
940330	Đồ nội thất nhà bếp	12.646	-5,1	79.581	-21,6	6,9	7,1
940340	Đồ nội thất văn phòng	9.235	-27,7	74.820	-13,6	6,4	6,1

Nguồn: Cơ quan Thống kê Ca-na-đa